

BIẾN CHUYỂN KINH TẾ CỦA LÀNG ĐỒNG KỲ (BẮC NINH) TỪ 1986 ĐẾN 2010

NGUYỄN VĂN DŨNG*
NGUYỄN ĐÌNH LÊ**

1. Một số nét về kinh tế làng Đồng Kỳ thời kỳ trước Đổi mới

Làng Đồng Kỳ có tên nôm là làng Cờ (còn gọi là *Kẻ Cờ*) (1). Đồng Kỳ là một trong 3 làng thuộc xã Đồng Quang (Từ Sơn, Bắc Ninh). Trong suốt chiều dài lịch sử, Đồng Kỳ đã trải qua nhiều lần thay đổi về địa danh hành chính. Qua đối chiếu so sánh giữa các thư tịch cổ, Đồng Kỳ thời Hùng Vương thuộc bộ Vũ Ninh. Từ thời thuộc Hán đến thời Đường, Đồng Kỳ thuộc quận Giao Chỉ; thời Tiền Lê, thuộc châu Cổ Pháp; thời Lý thuộc phủ Thiên Đức; thời Trần, thuộc châu Vũ Ninh, lộ Bắc Giang. Thời Hậu Lê, thuộc huyện Đông Ngàn, phủ Từ Sơn, Bắc Đạo. Đầu thời nhà Nguyễn, Đồng Kỳ thuộc tổng Nghĩa Lập, huyện Đông Ngàn, phủ Từ Sơn, trấn Kinh Bắc... Thời Pháp thuộc, Đồng Kỳ vẫn thuộc tổng Nghĩa Lập, phủ Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh. Sau Cách mạng tháng Tám (1945), làng Đồng Kỳ thành xã Đồng Kỳ, thuộc huyện Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh. Đến năm 1949, Đồng Kỳ hợp nhất với Bính Hạ và Trang Liệt thành xã Đồng Quang, thuộc huyện

Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh. Từ 9-2008 đến nay, Đồng Kỳ trở thành một phường Đồng Kỳ của thị xã Từ Sơn (2), tỉnh Bắc Ninh.

Đồng Kỳ nằm ở vị trí sát đỉnh thứ hai (Cổ Loa - Đông Anh) của tam giác châu thổ sông Hồng (3), là nơi giáp ranh chuyển tiếp từ vùng đồng gò trung du xuống vùng đồng bằng. Đồng Quang có địa hình tương đối bằng phẳng, được hình thành từ các lớp trầm tích phù sa bồi của dòng sông Ngũ Huyện Khê và sông Tiêu Tương cổ (4).

Hầu hết diện tích đất canh tác của Đồng Kỳ thuộc loại đất cấy 1 vụ, chỉ những chân ruộng trũng và gần ao, chuôm sản nguồn nước mới cấy được 2 vụ trong năm. Ruộng đất ở Đồng Kỳ chia làm 3 loại là: loại 1, loại 2 và loại 3 (5). Tổng diện tích công tư điền thổ của Đồng Kỳ là 476 mẫu, 4 sào, 3 thước. Trong đó, tư điền chiếm 85% tổng diện tích đất canh tác, công điền chỉ chiếm 5,82%. Trong tổng số diện tích đất tư, có 96,2% diện tích đất là chính canh; 3,75% diện tích đất là phụ canh (6).

Các chủ sở hữu ruộng đất tư ở Đồng Kỳ đa số có quy mô rất nhỏ. Theo địa bạ Gia

* ThS. Khoa Lịch sử - Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2

** PGS.TS. Khoa Lịch sử - Trường ĐH KHXH&NV-DHQG HN

Long 4 (1805), tỉ lệ chủ sở hữu từ dưới 1 mẫu chiếm 6,72%; loại từ 1-3 mẫu chiếm 71,6%; loại từ 3-5 mẫu chiếm 10,19%; loại 5-10 mẫu chiếm 1,05%; loại trên 10 mẫu chiếm 0%. Đồng Kỵ có số lượng dân cư đông, ruộng đất lại ít nên tình trạng bị xâm canh rất ít, chỉ có 18 chủ, sở hữu 18 mẫu, 6 sào, 12 thước, 9 tấc (chiếm 3,75% diện tích đất tư). Trong khi đó, dân Đồng Kỵ xâm canh ở các làng xã xung quanh khá nhiều. Chỉ tính riêng đất làng Trang Liệt đã có 46 chủ phụ canh người Đồng Kỵ với tổng số diện tích đất canh tác là 129 mẫu, 9 sào, 4 thước, 5 tấc (7).

Dân làng Đồng Kỵ thiếu đất canh tác thường xuyên là một thực tế. Trước kia, hệ thống tưới tiêu và đê điều chưa tốt nên vào mùa mưa lũ nước từ sông Ngũ Huyện Khê chảy vào làm cho đồng đất Đồng Kỵ ngập lụt thường xuyên, gây khó khăn lớn cho việc canh tác. Với bản tính cẩn mẫn, chịu thương chịu khó, người dân Đồng Kỵ đã ra sức cải tạo đồng ruộng làm tăng độ phì nhiêu của đất, san lấp thũng dẫu và mua ruộng ở các làng xã khác lân cận tăng diện tích đất canh tác nhằm tăng thêm nguồn lương thực đáp ứng nhu cầu cuộc sống. Mặc dù vậy, nếu chỉ dựa vào nông nghiệp thì không thể đáp ứng được nhu cầu cuộc sống của người dân.

Đồng Kỵ nằm ở vị trí chuyển tiếp giữa vùng trung du và miền núi phía Bắc, có hệ thống đường giao thông thủy, bộ thuận lợi cho giao lưu, phát triển kinh tế (8). Với lợi thế về vị trí địa lý và giao thông như vậy, cùng với sự nhạy bén về tư duy kinh tế thị trường, nên trước đây, dân làng Đồng Kỵ đã có nghề buôn bán trâu bò. Người Đồng Kỵ đã từng vào Nghệ An, Hà Tĩnh, Thanh Hóa, lên Sơn La, Tuyên Quang, Yên Bái, Phú Thọ, Thái Nguyên... Dân buôn Đồng Kỵ cung cấp trâu bò làm sức kéo cho khắp vùng Thái Bình, Hưng Yên, Nam Định, Hà Nam, Hải Dương,... mua trâu bò về bán ở chợ Giầu

(Phù Lưu) cạnh Đồng Kỵ, rồi từ đây lại tỏa đi khắp các tỉnh đồng bằng Bắc Bộ (9).

Trước 1945, Đồng Kỵ có khoảng 20 người chủ buôn bán trâu bò, mỗi chuyến buôn có đến 50 con trâu bò. Trong những năm thực dân Pháp đô hộ (1949-1954), Đồng Kỵ là làng tể, nên người dân bị kiểm soát gắt gao để phòng Việt Minh trà trộn vào làng, do đó việc buôn bán trâu bò bị đình trệ. Sau khi hòa bình lập lại (1954), miền Bắc bước vào thời kỳ khôi phục kinh tế, cải cách ruộng đất, kinh tế nông nghiệp hộ gia đình có điều kiện phát triển, nhu cầu về trâu bò cày kéo ngày càng nhiều. Người dân nhiều tỉnh đồng bằng sông Hồng lại tìm về chợ Giầu mua trâu, dân Đồng Kỵ khôi phục được nghề buôn bán trước kia. Đến năm 1960, Nhà nước nghiêm cấm tư nhân buôn bán, nên nghề buôn trâu ở Đồng Kỵ cũng chấm dứt (10).

Trong khi một bộ phận những người dân ông di buôn bán ở bên ngoài, thì những người phụ nữ Đồng Kỵ làm đồng áng và dệt vải. Người dân Đồng Kỵ vẫn lưu truyền câu ca dao:

*"Trai thì buôn bán ngược xuôi
Gái thì canh cửi, chăn nuôi, ruộng đồng"*

Trước năm 1945, cả làng có tới 400 đến 500 khung cửi. Vải được người dân Đồng Kỵ làm ra còn có tên gọi là vải Cờ, khổ nhỏ, dễ trắng hoặc nhuộm nâu vừa bền vừa mịn (11), thường bán ở chợ Đồng Kỵ, chợ Giầu và các chợ lân cận.

Nghề mộc cũng có từ rất sớm ở làng Đồng Kỵ, nhưng số lượng người làm rất ít. Trước Cách mạng tháng Tám năm 1945, cả làng chỉ có khoảng 20-30 người làm nghề mộc, chủ yếu là đóng các đồ như: bàn ghế, giường tủ, chạn bát, làm nhà thuê... Tuy nhiên, nguồn thu nhập từ nghề mộc chẳng được là bao.

Năm 1960, cả làng Đồng Kỵ xây dựng được 5 hợp tác xã nông nghiệp, nhưng quy

mô rất nhỏ, ví dụ: Hợp tác xã xóm Giếng có 24 hộ; hợp tác xã xóm Bằng có 35 hộ (12). Trong khi đó, cả làng Đồng Kỵ có hàng nghìn hộ dân. Đến năm 1961, nhiều hộ gia đình đã xin ra khỏi hợp tác xã, thậm chí hợp tác xã xóm Nghè phải giải thể do không còn xã viên (13). Thực tiễn cho thấy mô hình kinh tế tập thể không mang lại hiệu quả kinh tế cao cho xã viên, càng làm cho người dân Đồng Kỵ quyết tâm tìm kiếm những hướng đi mới để vươn lên vượt qua khó khăn và từng bước làm giàu.

Vào những thập niên 60 - 70 của thế kỷ XX, do điều kiện kinh tế khó khăn, một bộ phận người dân Đồng Kỵ đã chuyển sang mua bán đồ gỗ cổ, là loại hàng hóa có giá trị kinh tế cao được các bộ dân khá giả ưu chuộng. Khi hàng đồ gỗ cổ khan hiếm dần, một số người dân Đồng Kỵ đã nghĩ cách làm đồ giả cổ để bán. Một số gia đình ở Đồng Kỵ cùng mời thợ khảm trai ở Chuyên Mỹ (Hà Tây) về làm tại nhà. Ngoài ra làng Đồng Kỵ còn có khoảng 100 người chuyên đi làm thuê về nhà cổ, bàn ghế, giường tủ ở các địa phương khác, cho thu nhập gấp 4-5 lần so với các thợ mộc trong các hợp tác xã (14).

Ngoài một số gia đình làm đồ gỗ giả cổ, cũng vào những năm 60 - 70 của thế kỷ XX, Nhà nước có chủ trương cho phép khai thác rừng lấy gỗ phục vụ sản xuất và phục vụ công nghiệp, sinh hoạt, một bộ phận lao động khỏe mạnh ở Đồng Kỵ đã chuyển sang làm nghề thợ xẻ. Trên 200 cặp thợ xẻ làng Đồng Kỵ có mặt ở khắp các lâm trường miền Bắc để xẻ gỗ thuê cho các đơn vị kinh tế nhà nước (15).

Gỗ rừng ngày càng cạn kiệt, nghề thợ xẻ cũng không còn thịnh đạt. Trong bối nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung, bao cấp, đời sống người dân Đồng Kỵ cũng như cả nước gặp nhiều khó khăn. Đầu những năm 70, phong trào nuôi thả và đánh bắt cá phát triển, người dân Đồng Kỵ đã nhanh

chóng chuyển sang nghề đánh bắt cá thuê (16) cho các tổ chức nhà nước và địa phương. Thời gian đó, cả làng có khoảng 500-600 cặp thuyền tôn rong ruổi đi khắp mọi nơi, mang lại nguồn thu nhập đáng kể cho một bộ phận dân cư (17).

Sau ngày miền Nam giải phóng (1975), đất nước thống nhất, một trang sử mới cho dân tộc đã mở ra. Người dân Đồng Kỵ cũng bước vào một vận hội mới, không ngừng tìm kiếm thị trường để tiêu thụ sản phẩm đồ gỗ mỹ nghệ. Thị trường Thành phố Hồ Chí Minh và sau đó là Campuchia được người dân Đồng Kỵ tiếp cận khá nhanh sau ngày đất nước hòa bình. Những mối hàng trực tiếp được thiết lập từ Thành phố Hồ Chí Minh, Campuchia với Đồng Kỵ. Sản phẩm đồ gỗ được vận chuyển từ Đồng Kỵ đến các thị trường này. Và ngược lại, nguồn hàng nguyên liệu gỗ được chuyển từ Campuchia về Đồng Kỵ để cung cấp cho các hộ gia đình sản xuất. Thị trường được mở rộng, hàng hóa tiêu thụ được nên số gia đình làm nghề mộc đã nhanh chóng tăng lên. Năm 1980, làng Đồng Kỵ có khoảng 100 hộ sản xuất đồ gỗ giả cổ (18). Đến năm 1985, làng Đồng Kỵ có khoảng hơn 600 hộ làm đồ mộc giả cổ (19). Tuy nhiên do tình hình chung của cả nước lúc đó, nên nghề mộc ở Đồng Kỵ chỉ tồn tại cầm chừng...

2. Sự chuyển biến về kinh tế của làng Đồng Kỵ từ khi Đổi mới

Giữa những năm 80 của thế kỷ XX, tình hình kinh tế - xã hội của đất nước khủng hoảng nghiêm trọng. Trước tình hình đó, Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI (12-1986) đã đề ra những quan điểm đổi mới toàn diện. Nghị quyết của Đại hội VI đã tạo ra cơ sở lý luận cho sự đổi mới kinh tế nói chung và nông nghiệp, nông thôn nói riêng trong những năm tiếp theo. Để giải phóng sức sản xuất trong khu vực kinh tế nông nghiệp, nông thôn, ngày 5-4-1988, Bộ Chính

trị đã ban hành Nghị quyết Số 10-NQ/TW Về đổi mới quản lý kinh tế nông nghiệp (gọi tắt là Nghị quyết 10). Nghị quyết 10 của Bộ Chính trị đã mang lại quyền tự chủ kinh tế cho các hộ gia đình ở nông thôn.

Nghị quyết Hội nghị lần thứ 5 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (Khóa VII) ngày 10 tháng 6 năm 1993 về *Tiếp tục đổi mới và phát triển kinh tế - xã hội nông thôn* đã đưa ra quan điểm "đặt sự phát triển nông nghiệp và kinh tế nông thôn theo hướng sản xuất hàng hóa trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, coi đó là nhiệm vụ chiến lược có tầm quan trọng hàng đầu" (20). Về cơ cấu kinh tế nông thôn, Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 5 (Khóa VII) xác định phải đổi mới cơ cấu kinh tế nông nghiệp, đổi mới cơ cấu kinh tế nông thôn, phá vỡ thế độc canh cây lúa, phá vỡ cơ cấu thuần nông và "trên cơ sở xúc tiến công cuộc công nghiệp hóa nói chung, công nghiệp hóa nông nghiệp và nông thôn nói riêng mà thực hiện sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn theo hướng *phát triển mạnh, vững chắc, có hiệu quả công nghiệp - dịch vụ ở nông thôn; tăng nhanh tỷ trọng những ngành này trong cơ cấu công - nông nghiệp - dịch vụ*" (21).

Những chủ trương đúng đắn của Đảng và Nhà nước đã thực sự mang lại điều kiện thuận lợi lớn cho Đồng Kỵ cùng cả nước có điều kiện phát triển kinh tế - xã hội.

Về kinh tế nông nghiệp, từ khi thực hiện cơ chế Khoán 10 của Bộ Chính trị các hộ gia đình ở Đồng Kỵ đã tăng cường đầu tư nguồn lực cải tạo đồng ruộng, xây dựng các hạ tầng sản xuất nông nghiệp (22), năng suất cây trồng đã tăng lên đáng kể. Năng suất lúa chiêm ở Đồng Kỵ đã có bước nhảy vọt từ 35,5 tạ/ha/năm (23) tăng lên 43,6 tạ/ha/năm (24) năm 1989. Năng suất lúa bình quân trong các năm từ 2000 đến 2005 là 51,9 tạ/ha. Từ năm 2005 đến 2009, năng suất lúa bình

quân một năm là 52,1 tạ/ha (25). Cơ cấu cây trồng ở Đồng Kỵ chủ yếu là lúa, được gieo cấy hai vụ là: chiêm xuân và vụ mùa. Ngoài ra không có các loại cây hoa màu. Người dân Đồng Kỵ sớm nhận thức được với số ruộng đất ít ỏi thì việc làm giàu từ nông nghiệp là không thể. Tuy nhiên, với quan niệm "đi nông vì bản", các hộ dân ở Đồng Kỵ vẫn giữ phần ruộng đất được chia. Hiện nay ở Đồng Kỵ, phần lớn các hộ gia đình đều không trực tiếp làm ruộng, mà họ thường thuê mướn người dân làng khác đến cày cấy, thu hoạch lấy thóc. Cũng có nhiều gia đình cho thuê mướn ruộng với mức phí rất thấp (chỉ khoảng 40-50 kg thóc/sào/năm), mục đích chính của họ chỉ là để giữ ruộng vì tâm lý chưa an tâm khi "ly nông"...

Do điều kiện đất đai hạn hẹp (26), nên chăn nuôi gia súc, gia cầm ở Đồng Kỵ không phát triển theo quy mô trang trại mà chủ yếu nhằm mục đích tận dụng sản phẩm phụ và sử dụng làm sức kéo trong sản xuất nông nghiệp. Xu hướng chung trong những năm gần đây, nhiều hộ gia đình không chăn nuôi, đặc biệt là những hộ gia đình làm nghề thủ công nghiệp và dịch vụ. Theo thống kê vào thời điểm 1-10-2009, cả phường Đồng Kỵ có tổng đàn trâu: 8 con; đàn bò: 39 con; đàn lợn: 780 con (27).

Về kinh tế thủ công nghiệp, vào nửa đầu những năm 80 của thế kỷ XX, thị trường tiêu thụ sản phẩm đồ gỗ ở khu vực phía nam (chủ yếu là Thành phố Hồ Chí Minh) gặp nhiều khó khăn do khủng hoảng kinh tế, các thương lái Đồng Kỵ đã chủ động tìm kiếm thị trường mới và họ đã phát hiện ra các thương lái người Việt gốc Hoa mua hàng và bán sang Campuchia. Vì vậy, một số thương nhân Đồng Kỵ đã tìm cách móc nối với một số gia đình Việt kiều để vận chuyển thẳng hàng từ Đồng Kỵ sang Campuchia tiêu thụ ở thị trường Lào và Thái Lan.

Cũng vào đầu thập niên 90 của thế kỷ XX, thị trường tiêu thụ đồ gỗ trong nước tăng lên do các cơ quan mua sắm đồ dùng cho các văn phòng, các gia đình khá giả cũng ưa chuộng sản phẩm đồ gỗ giá cổ. Vì vậy, người dân Đồng Kỵ đã tích cực khai thác thị trường trong nước thông qua việc mở đại lý ở các thành phố, thị xã để tiêu thụ sản phẩm.

Trong khoảng 2 thập kỷ vừa qua, nhiều thị trường tiêu thụ sản phẩm đồ gỗ mỹ nghệ trong và ngoài nước được mở ra. Hàng nghìn hộ dân ở Đồng Kỵ từ giữa những năm 80 của thế kỷ XX đã chuyển hẳn từ sản xuất nông nghiệp sang làm nghề sản xuất đồ gỗ mỹ nghệ. Từ năm 1994 đến năm 1999, số hộ gia đình sản xuất đồ gỗ mỹ nghệ ở làng Đồng Kỵ đã tăng từ 300 hộ lên trên 1000 hộ. Đến năm 2005, Đồng Kỵ có 2.239 hộ gia đình chuyên sản xuất và làm dịch vụ đồ gỗ, có 160 công ty, xí nghiệp và hợp tác xã chuyên sản xuất đồ gỗ mỹ nghệ.

Để tạo điều kiện cho sản xuất thủ công nghiệp ở Đồng Kỵ phát triển, năm 2002, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt dự án xây dựng cụm công nghiệp làng nghề Đồng Quang với diện tích 12,6 ha để sản xuất tiểu thủ công nghiệp, đồ gỗ mỹ nghệ (28) thu hút 238 đối tượng (gồm 167 hộ gia đình và 71 doanh nghiệp) thuê mặt bằng sản xuất và kinh doanh. Doanh thu từ sản xuất đồ gỗ năm 1999 đạt 84,9 tỉ đồng. Đến năm 2004, doanh thu từ đồ gỗ đạt 145 tỉ đồng. Sản phẩm hàng hóa đa dạng, phong phú như: bàn, ghế, giường, tủ, sập, tượng, đồng hồ, lọ hoa,... được sản xuất từ nhiều loại gỗ nhưng chủ yếu là: lim, gụ, trắc, mun,... Ngoài các sản phẩm được chế tác theo văn hóa truyền thống Việt Nam, Trung Quốc, còn có nhiều mẫu mã đa dạng, cầu kỳ do các khách hàng ở Đài Loan, Thái Lan, Malaixia, châu Âu, châu Mỹ đặt hàng.

Sự phát triển của nghề sản xuất đồ gỗ mỹ nghệ đã thu hút hàng vạn lao động tại

địa phương và các tỉnh như Bắc Giang, Hà Tây, Nam Định, Hải Dương, Thái Nguyên,... với mức thu nhập bình quân từ 800 nghìn đến 1,5 triệu đồng/người/tháng, tùy theo tay nghề. Không những vậy, sự phát triển sản xuất kinh doanh của làng Đồng Kỵ còn có tác dụng kéo theo sự phát triển của nhiều làng nghề khác xung quanh như 4 làng ở Phù Khê, 6 làng ở Hương Mạc, 3 làng ở Tam Sơn và làng Thiết Ứng (xã Vân Hà, huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội).

Về kinh tế thương nghiệp, trong những năm gần đây, khi nguồn cung sản phẩm đồ gỗ ở các làng lân cận dần cạn kiệt và ổn định, nhiều hộ gia đình ở Đồng Kỵ đã chuyển từ sản xuất đồ gỗ mỹ nghệ sang làm dịch vụ cung cấp nguyên liệu và thu mua sản phẩm đồ gỗ để bán cho các thị trường trong và ngoài nước. Theo số liệu thống kê của cả xã Đồng Quang (gồm 3 làng là: Đồng Kỵ, Trang Liệt và Bính Hạ), thì số cơ sở kinh doanh thương mại, dịch vụ cá thể năm 1999 có 88 cơ sở, đến năm 2002 tăng lên 480 cơ sở và năm 2004 đã lên tới 653 cơ sở (29), trong đó Đồng Kỵ chiếm số lượng lớn (30). Đến năm 2009, Đồng Kỵ đã có tới 718 cơ sở kinh doanh thương mại, dịch vụ (31). Khu phố mới Đồng Kỵ được xây dựng khang trang, nhiều cửa hàng giới thiệu sản phẩm đồ gỗ được mở ra. Bên cạnh đó, ở khu vực cầu Đồng Kỵ, đường đi vào khu vực đình và chùa Đồng Kỵ, nhiều cửa hàng cung cấp nguyên liệu gỗ được mở ra. Khách mua hàng luôn nhộn nhịp, gồm cả người Việt Nam và nước ngoài (chủ yếu là thương nhân Trung Quốc). Hàng ngày, hàng hóa ra vào trong làng tấp nập. Con đường chính của làng thực sự trở thành một khu phố buôn bán, dịch vụ sầm uất. Sự chuyển đổi sang làm thương mại, dịch vụ thường là những hộ gia đình có vị trí lợi thế là nằm sát đường lớn, hoặc đầu thâu được các khu đất trống của

làng. Ưu thế trong phát triển kinh tế của các hộ làm thương mại, dịch vụ là hơn hẳn so với các hộ trực tiếp sản xuất. Làng Đồng Kỵ trong những năm gần đây có vai trò như một trung tâm chuyên cung cấp nguyên liệu và thu gom các sản phẩm đồ gỗ cho các làng được coi là "vệ tinh" xung quanh.

*

Đồng Kỵ là một làng cổ ở đồng bằng sông Hồng, có mật độ dân cư đông đúc, bình quân ruộng đất canh tác rất thấp, nông nghiệp chỉ mang lại một phần thu nhập trong cuộc sống của người dân nơi đây. Tuy nhiên, với vị trí địa lý thuận lợi, người dân Đồng Kỵ đã sớm biết phát huy lợi thế và được biết đến là một làng đa nghề trong suốt chiều dài lịch sử.

Trong quá trình thực hiện đổi mới, người dân Đồng Kỵ luôn nhanh nhạy trong sản xuất, kinh doanh. Người Đồng Kỵ rất năng động, luôn hướng tới việc làm giàu, làm ăn lớn. Rất nhiều người đã trở thành nhiều doanh nhân thành đạt ở địa phương. Người Đồng Kỵ đang chiếm giữ nghề mộc mỹ nghệ số một trong vùng và thị trường của họ đang phát triển khắp khu vực và nhiều nước trên thế giới.

Nhân dân Đồng Kỵ đã và đang phát huy làng nghề truyền thống chuyên sản xuất, kinh doanh đồ gỗ theo hướng công nghiệp hóa hiện đại hóa. Nguồn thu nhập lớn từ hoạt động sản xuất, kinh doanh đã tạo nên sự thay đổi diện mạo của làng. Đồng Kỵ ngày nay được biết đến là một trong những

làng giàu có nhất của miền Bắc, các hộ đói, nghèo đã không còn. Những giá trị văn hóa truyền thống của làng quê vùng Kinh Bắc vẫn còn được gìn giữ và phát huy trong bối cảnh hiện đại.

Đồng Kỵ từ một làng quê xứ Kinh Bắc với đặc điểm ruộng ít người đông đã không ngừng vươn lên mạnh mẽ, diện mạo địa phương thay đổi sâu sắc. Từ một làng quê vốn vẫn phải dựa vào nông nghiệp là chính, bước vào thời kỳ đổi mới kinh tế thủ công nghiệp phát triển tạo nên một làng nghề sầm uất và trong khoảng một thập niên trở lại đây, Đồng Kỵ có diện mạo như một đô thị công thương nghiệp hiện đại với những khu công nghiệp mới hình thành và các cửa hàng đồ gỗ san sát.

Xây dựng nông thôn mới là một chủ trương lớn của Đảng được thể hiện trong Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 05 tháng 8 năm 2008 của Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X về nông nghiệp, nông thôn, nông dân. Chủ trương của Đảng đã được cụ thể hóa bằng Chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng nông thôn mới 2010-2020 theo Quyết định Số 800/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ. Với những kết quả đạt được về phát triển kinh tế và việc gìn giữ những giá trị văn hóa truyền thống trong thời gian qua, Đồng Kỵ có thể là một hình mẫu trong việc xây dựng mô hình nông thôn mới hiện đại mà Đảng ta đã vạch.

CHÚ THÍCH

(1). Theo sách *Tên làng xã và địa dư các tỉnh Bắc Kỳ* của Ngô Vi Liễn thì Đồng Kỵ có tên là Đồng Kỳ (còn gọi là Côi) [Ngô Vi Liễn, *Tên làng xã và địa dư các tỉnh Bắc kỳ*, Nxb. Văn hóa - Thông tin, Hà Nội, 1999, tr. 29]. Nhưng theo chúng tôi thì Đồng Kỵ có tên nôm là làng Côi thì đúng hơn vì

người dân làng này đều xác nhận như vậy và tên làng Côi là rất xa lạ.

(2). Ngày 24-9-2008, Chính Phủ ra Nghị định Số 01/ND-CP thành lập Thị xã Từ Sơn. Đồng Kỵ trở thành một phường của Thị xã Từ Sơn.

(3). Theo GS Trần Quốc Vượng thì: "Cổ Loa -

Dòng Anh là miền giáp ranh trung du - đồng bằng - đỉnh thứ hai của tam giác châu thổ sông Hồng" [Trần Quốc Vương, *Việt Nam cái nhìn địa - văn hóa*, Nxb. Văn hóa Dân tộc, Hà Nội, 1998, tr. 101-102].

(4). Con sông này nay không còn nữa.

(5). Theo địa bạ Gia Long 4 (1806), Đồng Kỵ trong tổng số 444 mẫu, 4 sào, 7 thước, 3 tấc đất ruộng chỉ có 40 mẫu, 4 sào, 13 thước, 3 tấc đất ruộng *loại 1* (khoảng 9% diện tích đất); *loại 2* có 182 mẫu, 8 sào, 10 thước (chiếm 41,1%); *loại 3* có 219 mẫu, 13 thước (chiếm 49,2%). Như vậy, đất *loại tốt* ở Đồng Kỵ chiếm số lượng nhỏ, trong khi đó *loại đất xấu* (đất thịt) chiếm số lượng lớn là một khó khăn trong việc canh tác của người dân.

(6), (7). *Địa bạ Gia Long năm thứ 4* (1806), Q2953, Trung tâm Lưu trữ Quốc gia 1.

(8). Về *đường thủy*, nằm sát bờ phía Đông của dòng sông Ngũ Huyện Khê, nếu ngược lên phía Đông Bắc sẽ tới sông Cầu. Từ sông Cầu nếu xuôi theo hướng Đông Nam là đến Phả Lại (còn gọi là Lục Đầu Giang, nơi hợp lưu của các con sông như: sông Cầu, sông Thương, sông Đuống, sông Kinh Thầy, sông Lục Nam và sông Thái Bình), từ đó tỏa đi nhiều hướng khác nhau như ngược sông Thương, sông Lục Nam lên mạn Bắc Giang, Lạng Sơn hoặc theo nhánh chính của sông Thái Bình ra biển; nếu ngược lên hướng Tây Bắc sẽ lên vùng Bắc Giang, Thái Nguyên, Bắc Cạn. Về *đường bộ*, Đồng Quang nằm sát đường Quốc lộ 1A và đường sắt Hà Nội - Lạng Sơn, là những huyết mạch giao thông quan trọng nối với các tỉnh vùng Đông Bắc và cửa khẩu Tân Thanh (Lạng Sơn); có Đường 296 nối từ Quốc lộ 1A lên vùng Hiệp Hòa (Bắc Giang), nối với Đường 18 rẽ theo hướng Tây Nam ra ngã ba Phù Lỗ, nơi khởi đầu của đường Quốc lộ 2 lên các tỉnh Hà Giang, Tuyên Quang, Lào Cai. Từ Phù Lỗ ngược hướng Bắc lên các tỉnh Thái Nguyên, Bắc Cạn, Cao Bằng. Đồng Quang nằm trên trục tỉnh lộ 232 nối các xã trong huyện như Phù Khê, Hương Mạc, Đồng Quang, Đình Bảng, Phù Chẩn, Tân Hồng.

(9), (11), (16), (17). Lê Hồng Lý: *Văn hóa truyền thống làng Đồng Kỵ*, Xb. Viện Nghiên cứu văn hóa dân gian, Hà Nội, 1999, tr. 25, 26, 26, 26.

(10), (14), (18). Nguyễn Xuân Hoàn: *Quá trình hình thành và phát triển của một làng nghề gỗ mỹ nghệ Đồng Kỵ*, Tập chí Xưa và Nay, số 293, (2007), tr. 26-28.

(12), (13), (19), (28). Đảng ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban Nhân dân xã Đồng Quang: *Lịch sử xã Đồng Quang*, Nxb. Văn hóa Dân tộc, Hà Nội, 2006, tr. 162-163, 167, 204, 244.

(16). Theo các cụ cao tuổi kể lại, làng Đồng Kỵ có nghề chài lưới từ rất sớm, từ trước Cách mạng tháng Tám 1945.

(20), (21). Đảng Cộng sản Việt nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 62, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2007, tr. 701, 704.

(22). Trong 2 năm 1996-1997, xã Đồng Quang đã đầu tư xây dựng ở Đồng Kỵ 9.200m² kênh mương. Trong 2 năm 1998-2000, Đồng Kỵ đã hoàn thiện hệ thống thủy nông nội đồng, đào đắp được 14.502 m² đê điều, bờ vùng bờ thửa. Năm 2000, xã Đồng Quang đầu tư 768 triệu đồng kiến tạo cố hóa 1000m kênh mương ở Đồng Kỵ (Theo Báo cáo công tác các năm từ 1996 đến 2000 của xã Đồng Quang).

(23). *Báo cáo của Ban quản lý các HTX nông nghiệp về công tác sản xuất nông nghiệp năm 1986*, Hồ sơ số 716, Lưu trữ huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh.

(24). *Báo cáo của Phòng Nông nghiệp huyện Tiên Sơn năm 1989*, Hồ sơ số 891, Lưu trữ huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh.

(25), (27), (31). Phòng Thống kê Thị xã Từ Sơn: *Niên giám thống kê thị xã Từ Sơn 2005-2009*, năm 2010, tr. 20, 38-40, 56.

(26). Tính đến thời điểm năm 1993, bình quân diện tích đất canh tác/nhân khẩu ở Đồng Kỵ chỉ có khoảng 250m².

(29). Ủy ban Nhân dân huyện Từ Sơn: *Thực trạng kinh tế - xã hội Từ Sơn từ 1999 - 2004*, Ủy ban nhân dân huyện Từ Sơn xuất bản, 2005, tr. 96.

(30). Chúng tôi không có được số liệu cụ thể về số cơ sở thương mại, dịch vụ của làng Đồng Kỵ. Tuy nhiên, theo quan sát của chúng tôi, hai làng Trang Liệt và Bính Hạ có số cơ sở thương mại, dịch vụ chiếm số lượng ít hơn rất nhiều so với Đồng Kỵ.